

TÒA ÁN NHÂN DÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TỈNH AN GIANG****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Bản án số: **115/2020/DS-PT**

Ngày 12- 8- 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua
bán tài sản”**NHÂN DANH****NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG****- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Hà.*Các Thẩm phán:* Ông Cao Minh Lễ

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông Phạm Trường San-
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ ý số: 163/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2020/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 165/2020/QĐPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 115, tổ 13, ấp PX, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh AG.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bạch Q, sinh năm 1971 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 83, tổ 36, lô 8, ấp TK, thị trấn LB, huyện AP, tỉnh AG.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bạch Q là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 2014, bà Q có mua lúa nếp của bà với tổng số tiền 127.690.000đ có làm Biên nhận nợ ngày 29/10/2014. Đến ngày 15/11/2014 bà Q trả được 10.000.000đ,

ngày 14/12/2014 bà qua nhà gặp bà Q để yêu cầu trả nợ thì bà Q hẹn lại và có ghi Biên nhận nợ với nội dung bà Q còn nợ lại bà 117.620.000đ hứa sẽ trả nhưng không thực hiện. Bà yêu cầu bà Q trả số tiền vốn là 117.620.000đ và tiền lãi tính đến thời điểm khởi kiện là 117.149.520đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà yêu cầu bà Q trả vốn là 117.620.000đ và lãi là 58.574.760đ.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Bạch Q trình bày:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về cách giải quyết vụ án. Tại buổi hoà giải ngày 07/01/2020, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi, yêu cầu bà Q trả lãi theo mức lãi do pháp luật quy định tính từ ngày 01/01/2015 cho đến ngày hoà giải. Bà Q thừa nhận còn nợ bà H số tiền 117.620.000đ mua lúa nếp, đề nghị bà H giảm $\frac{1}{2}$ số nợ, xin trả mỗi năm 30.000.000đ hoặc nếu bà H không đồng ý giảm nợ thì trả mỗi tháng 2.000.000đ, về tiền lãi xin xóa vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bà đang gặp khó khăn không còn khả năng thanh toán nhưng không được bà H chấp nhận.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 188/2020/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị Bạch Q có nghĩa vụ trả cho bà H 240.627.000đ gồm tiền vốn: 117.620.000đ, tiền lãi: 123.007.000đ.

Về án phí: Bà Q phải chịu 12.031.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú hoàn trả cho bà H số tiền 5.860.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai số 0011789 ngày 20/12/2019.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 5 năm 2020 bà Nguyễn Thị Bạch Q nộp Đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 188/2020/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Phú với lý do bà không nhận được Quyết định cũng như Giấy triệu tập đưa vụ án ra xét xử và đề nghị xem xét lại phần tiền lãi 123.007.000đ, vì khi mua bán giữa bà và bà H không có giao kèo tiền lãi phải trả với nhau, nay bà H yêu cầu tính lãi bà không chấp nhận.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bạch Q. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 188/2020/DS-ST ngày 01/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Phú về lãi suất và án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bà Q có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vốn là 117.620.000đ, tiền lãi là 58.574.760đ, tổng cộng là 176.194.760đ. Bà Q phải chịu 8.809.738đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bạch Q kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Q theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là bà Nguyễn Thị Bạch Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo để kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2020/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Phú với lý do bà không nhận được Quyết định cũng như Giấy triệu tập đưa vụ án ra xét xử và đề nghị xem xét lại phần tiền lãi 123.007.000đ, vì khi mua bán giữa bà và bà H không có giao kèo tiền lãi phải trả với nhau, nay bà H yêu cầu tính lãi bà không chấp nhận.

[3] Về kháng cáo của bà Q cho rằng không nhận được Quyết định cũng như Giấy triệu tập đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên tại hồ sơ thể hiện Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-DS ngày 14/02/2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 421/TB-TA ngày 16/3/2020 đã được thực hiện tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật nên bà Q cho rằng không nhận được các văn bản tố tụng là không có cơ sở.

[4] Về nội dung vụ án: Vào năm 2014 bà H có bán lúa nếp cho bà Q nhiều lần, hình thức thanh toán là trả tiền mặt nhưng lần mua bán sau cùng theo Biên nhận nợ ngày 29/10/2014 hai bên thống nhất bà Q còn nợ bà H số tiền 127.690.000đ và ngày 15/11/2014 bà Q trả cho bà H số tiền 10.000.000đ nên hiện nay còn nợ số tiền 117.620.000đ. Do bà Q thừa nhận nợ nên căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, cấp sơ thẩm đã buộc bà Q có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 117.620.000đ là có căn cứ và bà Q không kháng cáo nên không xem xét.

Xét kháng cáo của bà Q về lãi suất, bà H và bà Q đều thống nhất không thoả thuận lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng thoả thuận sau khi nhận lúa sẽ thanh toán tiền mặt. Sau khi bà H giao lúa nếp mà bà Q không thanh toán số tiền 117.620.000 là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà H với số tiền 117.620.000đ tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày xét xử là 5 năm 3 tháng 01 ngày theo mức lãi suất 1,66%/tháng bằng 123.007.000đ là không đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì bà Q phải trả lãi cho bà H đối với số tiền 117.620.000đ tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày xét xử (Ngày

01/4/2020) là 5 năm 3 tháng 01 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng bằng 61.536.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H yêu cầu bà Q trả lãi với số tiền 58.574.760đ là đã có lợi cho bà Q và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bà Q phải trả cho bà H số tiền (Vốn 117.620.000đ và lãi là 58.574.760đ) 176.194.760đ.

Các phần khác của bản án các đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Q. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 188/2020/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Phú như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[5] Về án phí: Bà Q có Đơn xin được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào Điều 12 và Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Q không thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên bà Q phải nộp 8.809.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu kháng cáo của bà Q được chấp nhận nên bà Q không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, bà Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bạch Q. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2020/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

3. Buộc bà Nguyễn Thị Bạch Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền (Vốn 117.620.000đ và lãi là 58.574.760đ) 176.194.760đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu một trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

4. Về án phí:

4.1 Bà Nguyễn Thị Bạch Q phải nộp 8.809.000đ án phí dân sự sơ thẩm và không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001087 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện An Phú nên bà Q còn phải nộp thêm 8.509.000đ (Tám triệu năm trăm lẻ chín nghìn đồng).

4.2 Bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền 5.860.000đ (Năm triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0011789 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.An Phú;
- TAND H.An Phú;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà